

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2022/DS-ST

Ngày: 19/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Nhất Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLST– DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức danh: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Trường T; sinh năm: 1994;

(Ông Phạm Trường T có đơn xin vắng mặt)

**Bị đơn:** Ông Đặng Trung N, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Đường H, phường B, quận T, TP Hồ Chí Minh; (ông Đặng Trung N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

Ngày 24/10/2018, ông Đặng Trung N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp

đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 32,810,100 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 26,880,000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/06/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17,018,095 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi chuyển nợ quá hạn cho đến nay ông N đã thanh toán thêm được 9,500,000 đồng, số tiền này sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc 17,018,095 đồng.

Tính đến ngày 19/09/2022, ông N còn nợ các khoản sau: nợ gốc 7,518,095 đồng, lãi quá hạn 13,343,436 đồng, tổng cộng: 20,861,531 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm ba mươi một đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 17,018,095 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến các lần thanh toán tiếp theo của ông N và lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc còn lại cho đến nay.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Trung N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2022 là 20,861,531 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm ba mươi một đồng) trong đó: nợ gốc 7,518,095 đồng, lãi quá hạn 13,343,436 đồng. Ông Đặng Trung N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Đặng Trung N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 203

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và ông Đặng Trung N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Đặng Trung N cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

[3] Xét thấy thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 24/10/2018, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho ông Đặng Trung N với hạn mức 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/ tháng (2,6% x 150%), việc cấp tín dụng, thỏa thuận về lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các phí giữa Ngân hàng với ông Đặng Trung N là đúng quy định. Hợp đồng giữa Ngân hàng với ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực.

Căn cứ nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 24/10/2018, bảng kê chi tiết quá trình thanh toán tính đến ngày 19/9/2022 có cơ sở xác định ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 32,810,100 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 33.830.000 đồng. Ngày 23/6/2020 do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17,018,095 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi chuyển nợ quá hạn cho đến nay ông N đã thanh toán thêm được 9,500,000 đồng, số tiền này được ưu tiên trừ vào nợ gốc 17,018,095 đồng.

Tính đến ngày 19/9/2022, ông N còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 7,518,095 đồng, lãi quá hạn: 13,343,436 đồng; Tổng cộng: 20,861,531 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm ba mươi một đồng).

Bị đơn ông Đặng Trung N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ Ngân hàng.

Như vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Trung N thanh toán số tiền còn nợ 20,861,531 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm

trăm ba mươi một đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: ông Đặng Trung N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 108 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc ông Đặng Trung N thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 20,861,531 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2022, ông Đặng Trung N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Ông Đặng Trung N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1,043,076 (Một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bảy mươi sáu) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 513,543 (năm trăm mười ba nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0063495 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Nhất Bình**